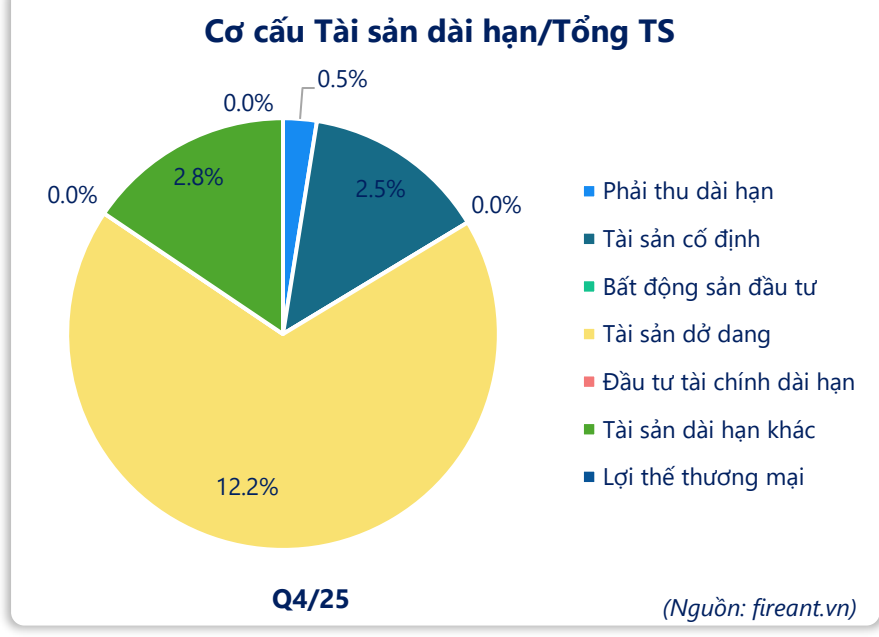
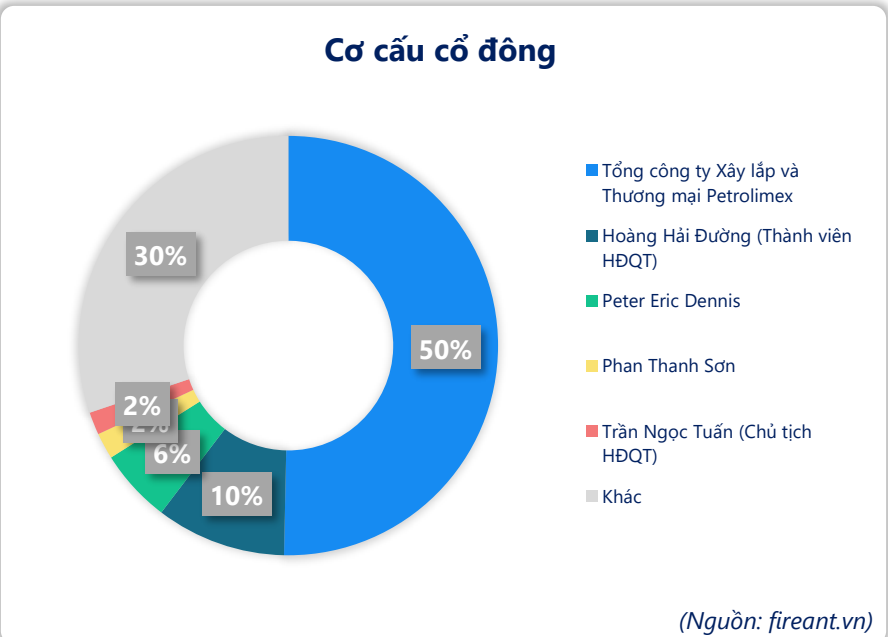
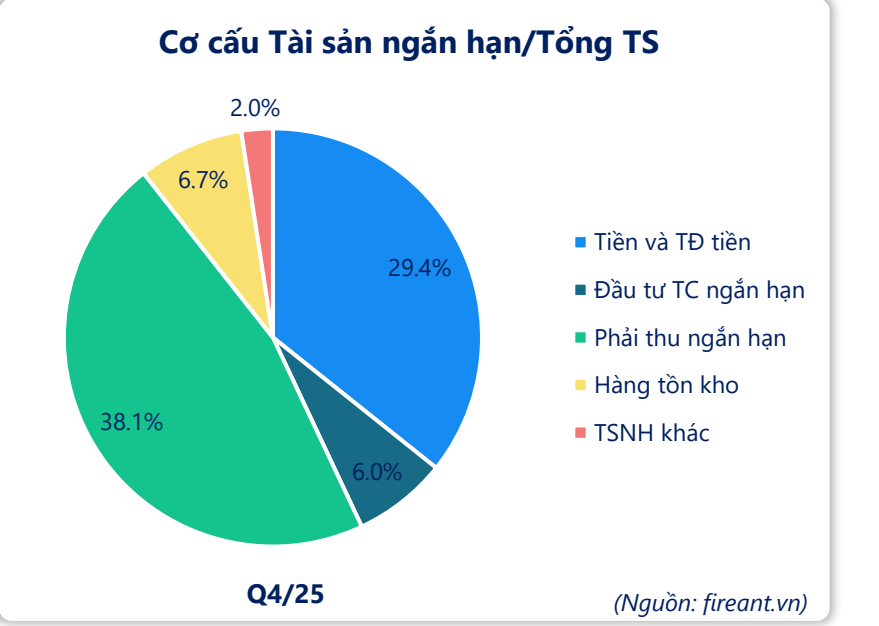
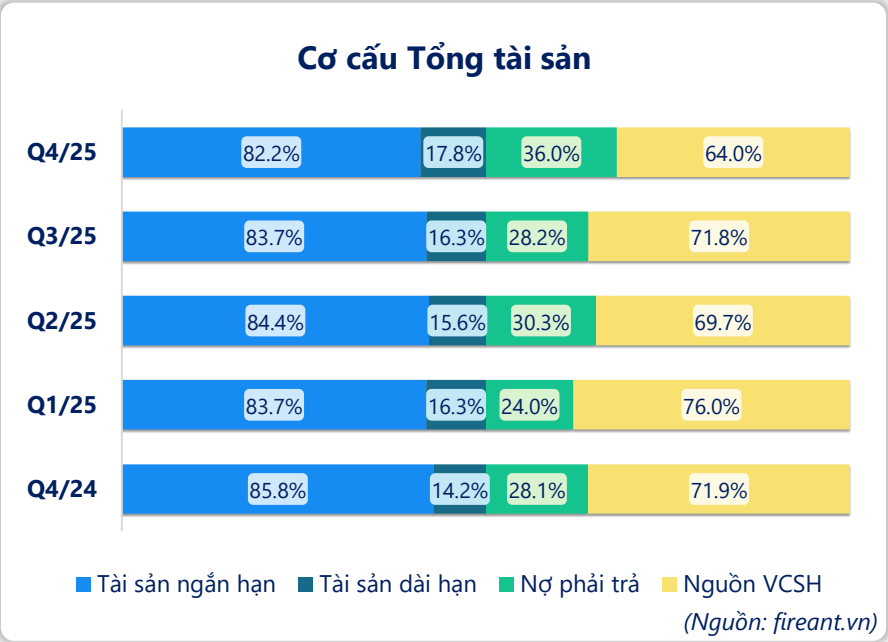
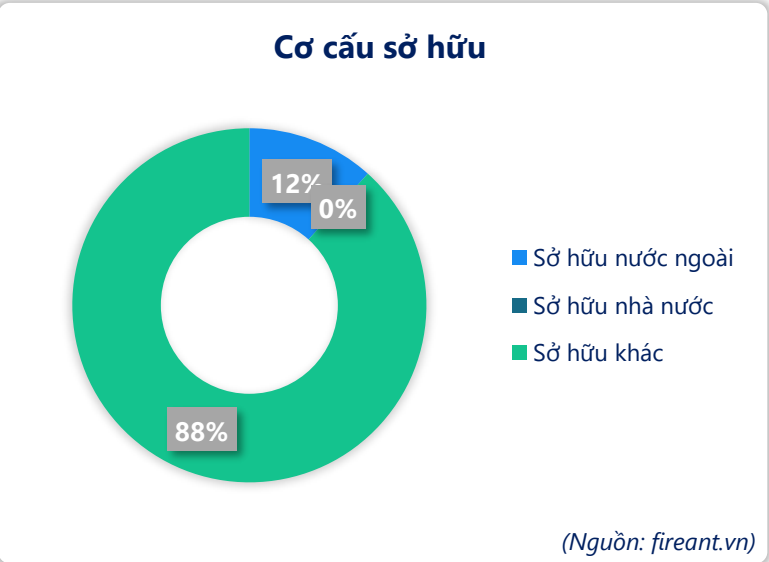
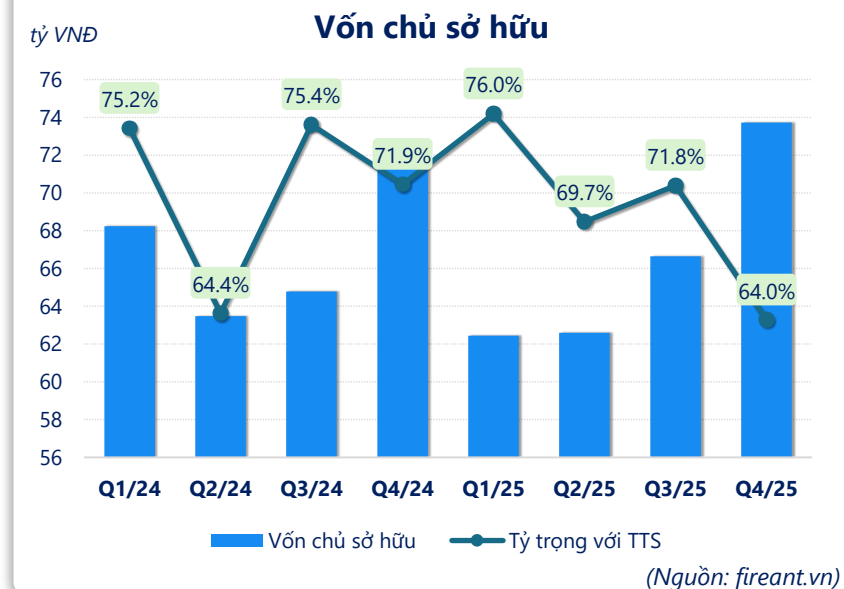
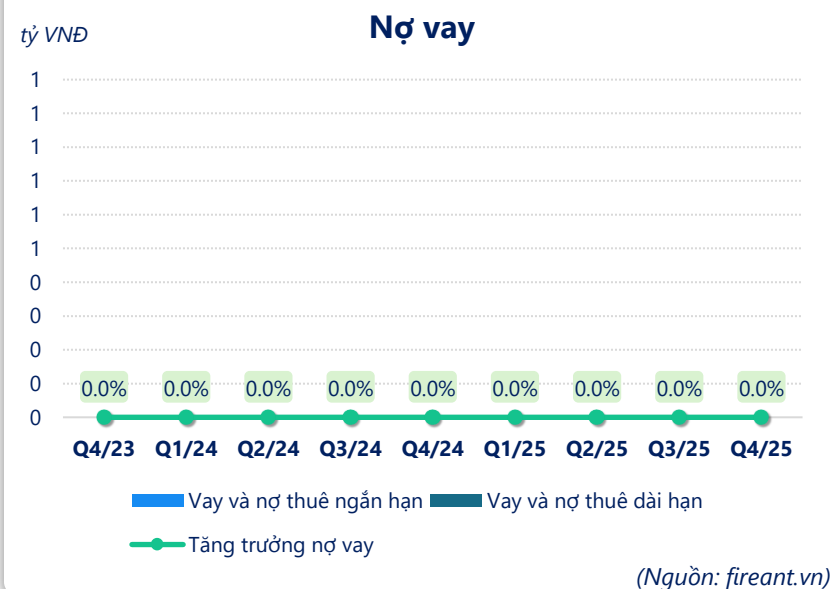
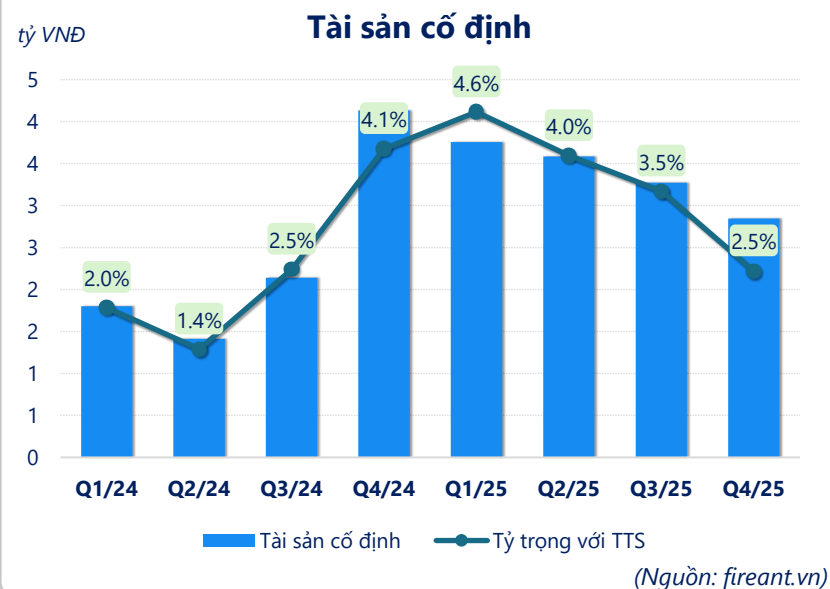
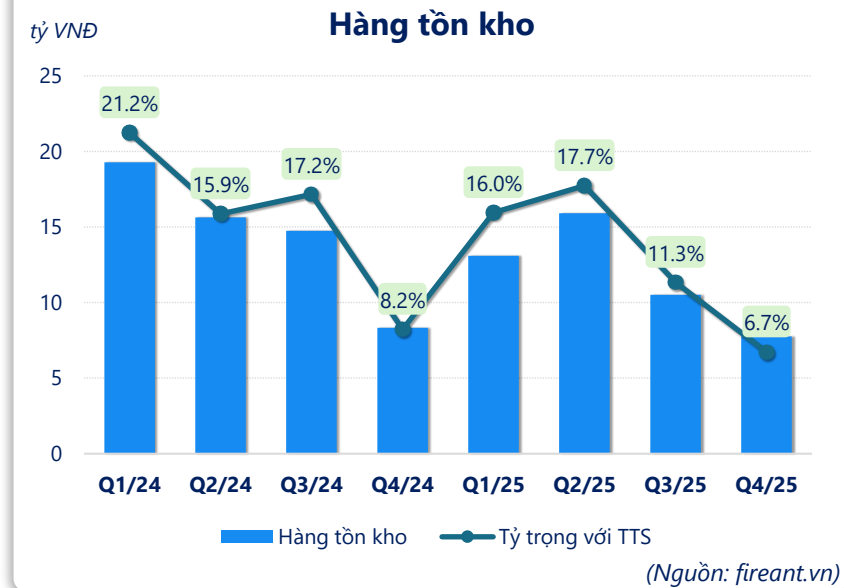
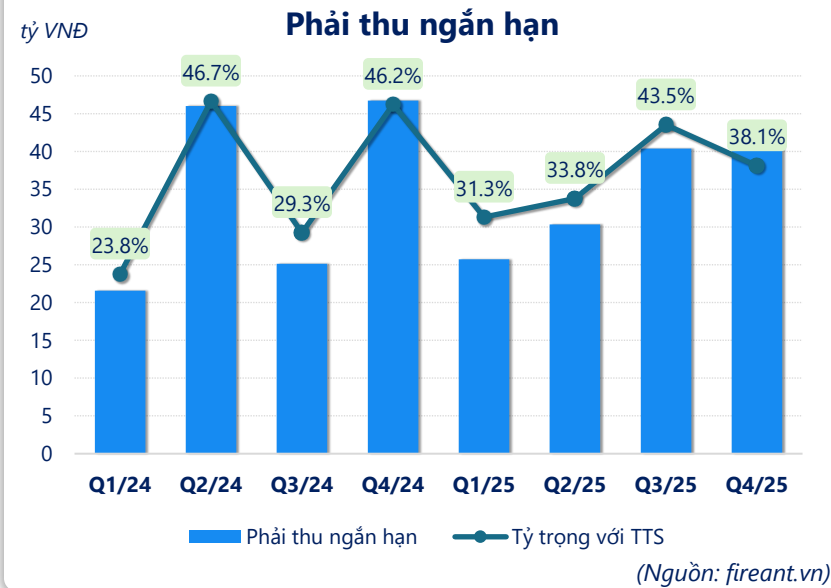
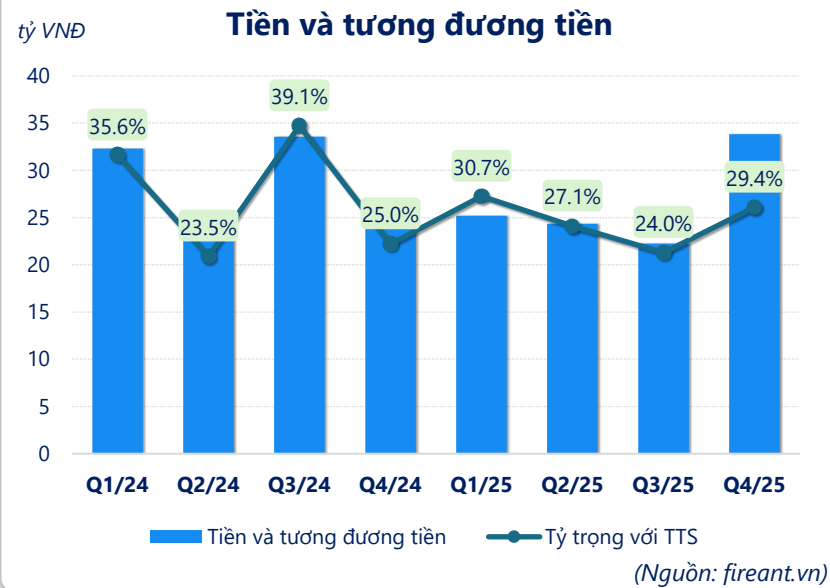
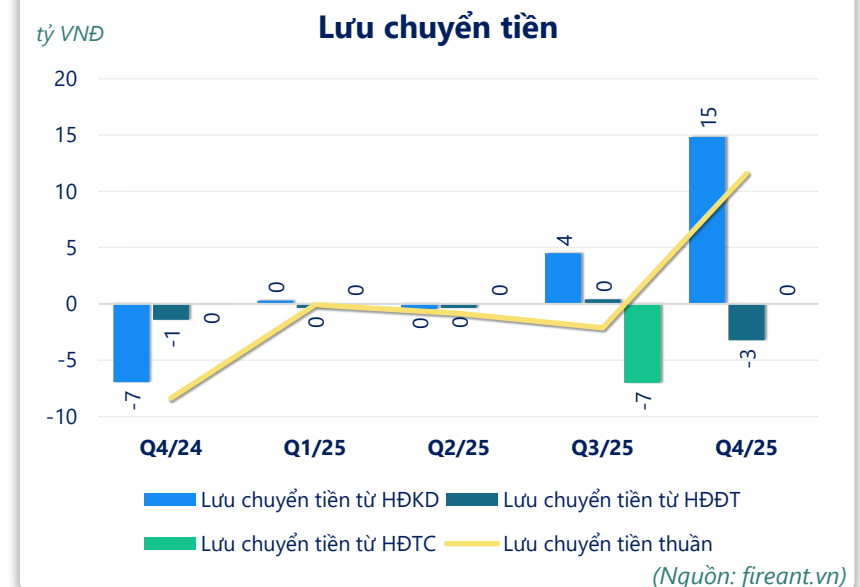
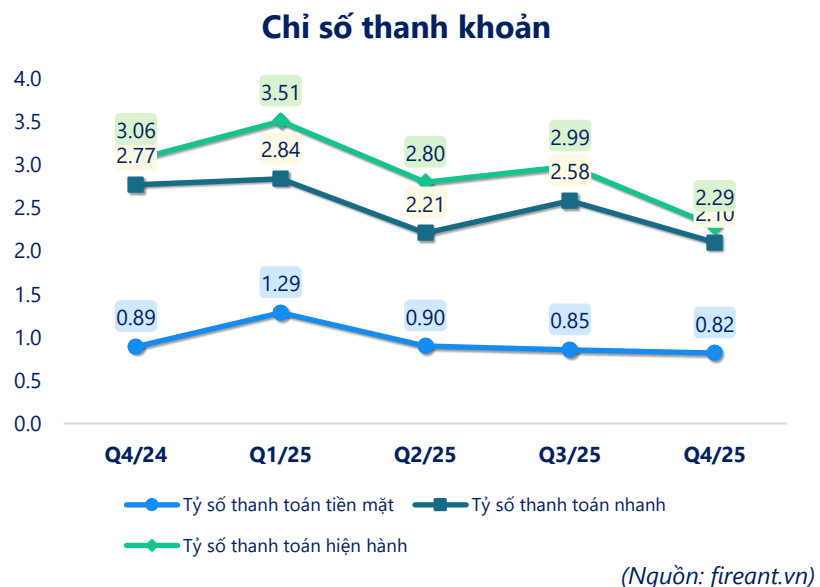
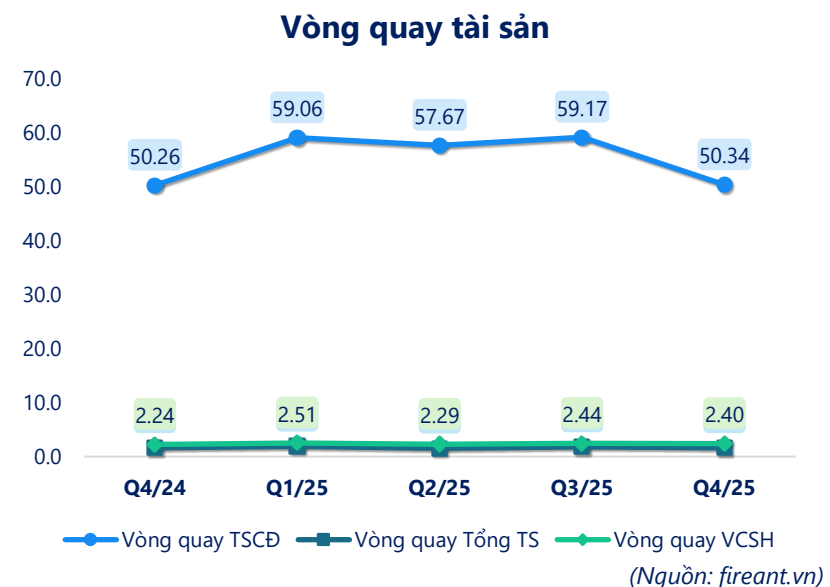
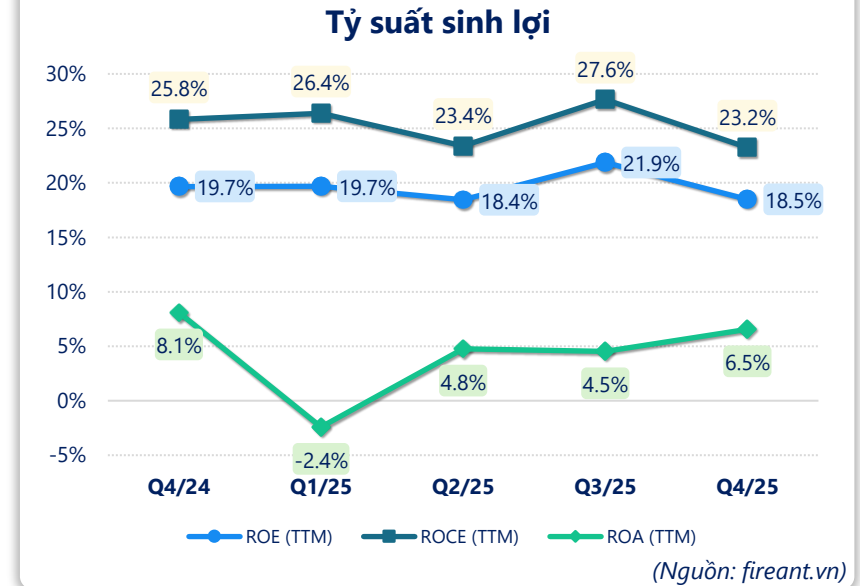
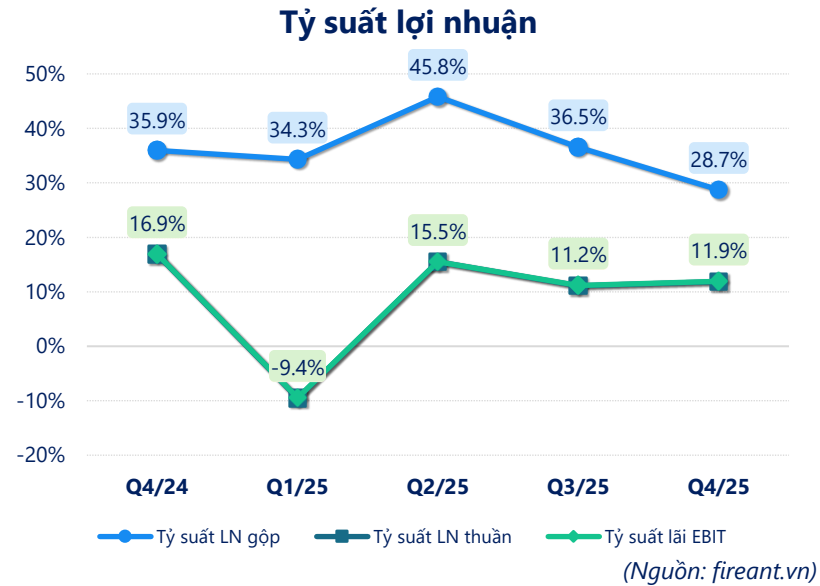
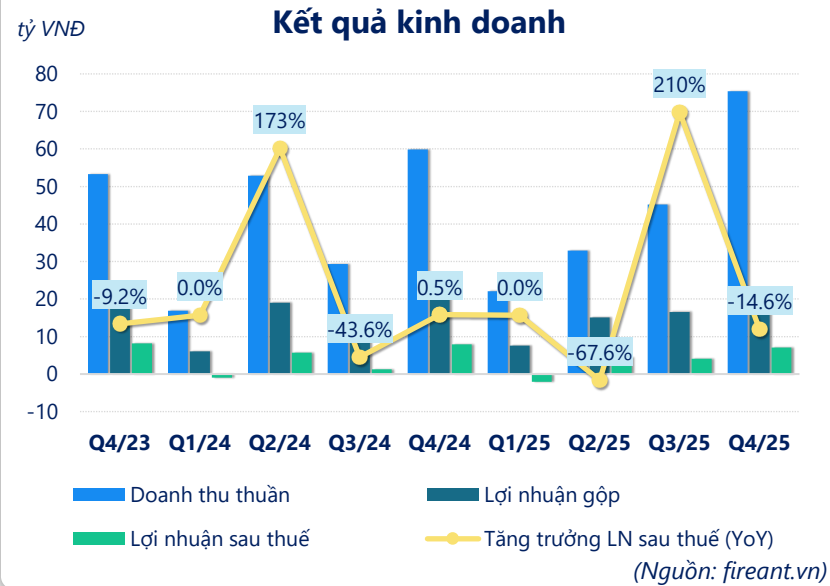


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,832
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,688
SL cổ phiếu LH		3,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		175
% sở hữu nước ngoài		11.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		103
P/E		7.6
EPS		3,470

	YTD	1T	3T	6T
PIA	7.2%	-6.4%	-8.6%	-3.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	115	101	13.9%
Tài sản ngắn hạn	94.6	86.9	8.9%
Tiền và tương đương tiền	33.8	25.3	33.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.89	3.24	113%
Phải thu ngắn hạn	43.9	46.9	-6.4%
Hàng tồn kho	7.75	8.31	-6.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.30	3.16	-27.3%
Tài sản dài hạn	20.6	14.2	44.5%
Phải thu dài hạn	0.52	0.59	-12.0%
Tài sản cố định	2.84	4.13	-31.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.0	3.36	317%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.20	6.15	-48.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.5	28.4	46.1%
Nợ ngắn hạn	41.4	28.3	46.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	25.6	16.5	55.2%
Nợ dài hạn	0.12	0.12	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	73.7	72.7	1.4%
Vốn chủ sở hữu	73.7	72.7	1.4%
Vốn điều lệ	39.0	39.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	59.9	22.1	32.9	45.2	75.4
Giá vốn hàng bán	38.4	14.5	17.9	28.7	53.7
Lợi nhuận gộp	21.5	7.57	15.1	16.5	21.6
Doanh thu HĐTC	0.29	0.16	0.23	0.16	0.27
Chi phí TC	0.03	0.00	0.01	0.00	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.7	9.82	10.2	11.7	12.9
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	10.1	-2.10	5.10	5.01	8.96
Lợi nhuận khác	0.03	0.02	0	0.04	0.01
LN trước thuế	10.1	-2.08	5.10	5.05	8.97
Lợi nhuận sau thuế	7.91	-2.08	4.50	4.04	7.08
LNST của CĐ cty mẹ	7.91	-2.08	4.50	4.04	7.08

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.95	0.30	-0.48	4.49	14.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.42	-0.37	-0.37	0.40	-3.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	0	-7.01	0
Tiền đầu kỳ	33.6	25.3	25.2	24.3	22.2
Lưu chuyển tiền thuần	-8.38	-0.07	-0.85	-2.12	11.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	25.3	25.2	24.3	22.2	33.8

(Nguồn: fireant.vn)